

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HS- ST
Ngày 10 tháng 9 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Văn Doan

2. Bà Trần Thị Bích Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai – Thư ký TAND huyện Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh V tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2024/TLST- HS, ngày 07 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST - HS ngày 24 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Phùng Văn M, sinh ngày 08/01/1986; sinh trú quán: Khu 7, phường V, thành phố V, tỉnh P; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn N, sinh năm 1958 và bà Chu Thị H, sinh năm 1961; vợ: Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1986; con: Có 1 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không, bị cáo được tại ngoại, (có mặt).

Người bị hại: Bà Trần Thị V, sinh năm 1965; trú tại: Thôn V, xã T, thành phố V, tỉnh V, (đã chết).

Đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Phùng Văn G, sinh năm 1963; anh Phùng Văn T, sinh năm 1993; đều trú tại: Thôn V, xã T, huyện Y, tỉnh V; ông Phùng Văn C, sinh năm 1959; trú tại: Đội 10, xã Iachia, huyện Iagrai, tỉnh Gia L; ông Trần Văn C, sinh năm 1960; ông Trần Văn C. Sinh năm 1968; bà Trần Thị C, sinh năm 1970; đều trú tại: Thôn D, xã Đồng C, huyện Y, tỉnh V; Người được ông Phùng Văn G, anh Phùng Văn T, ông Phùng Văn C, ông Trần Văn C, ông Trần Văn C, bà Trần Thị C ủy quyền: Ông Phùng Quang T, sinh năm 1982; trú tại: Thôn Vinh Q, xã Thanh T thành phố V, tỉnh V (Có mặt).

Bị đơn dân sự: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Xuân T; địa chỉ: Khu 6, xã Phụng , thành phố V, tỉnh P; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1980 – Chức vụ: Giám đốc (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phùng Văn M có Giấy phép lái xe ô tô hạng C số 250110004377 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Phú T cấp ngày 16/8/2021 lái xe thuê của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xuân T. Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 12/11/2023 ông L giao cho M một mình điều khiển xe ô tô tải BKS: 19H - 013.28, nhãn hiệu FOTON, loại xe thùng kín, chở hàng hoá từ khu Công nghiệp Thụy V, thành phố Việt T, tỉnh P đi giao đến Cảng Đình V, thành phố H. M điều khiển xe đi theo đường QL2 từ thành phố Việt T, tỉnh Phú T hướng đi thành phố H, với vận tốc khoảng 60km/h và đi ở làn đường thứ 2 tính từ dải phân cách cứng ở giữa đường sang phía bên phải theo chiều đi của M. Đến 19 giờ 37 phút khi đang lái xe ô tô thì M nhận được điện thoại của anh Trần Đức C. Lúc này M vừa lái xe vừa nói chuyện qua điện thoại với anh C. Đến khoảng 19 giờ 45 phút khi M đi đến đoạn đường tránh thành phố Vĩnh Y thuộc địa phận thôn Phú C, xã Đồng C, huyện Y, tỉnh V thì quan sát thấy bên phải đường có biển báo đường giao nhau và thấy phía trước có ngã tư, M giảm vận tốc xe ô tô BKS: 19H-013.28 xuống còn khoảng 56km/h đến 57km/h. Khi này M vẫn đang sử dụng tai nghe (loại có dây) được kết nối với điện thoại để nói chuyện qua điện thoại với anh C nên M không tập trung để ý quan sát đường và người tham gia giao thông phía trước. Khi đi đến đầu ngã tư giao nhau giữa đường QL2A tránh thành phố Vĩnh Y với đường TL305b thuộc thôn Phú C, xã Đồng C thì M phát hiện thấy bà Trần Thị V đang đứng ở vị trí lối quay đầu xe gần đầu dải phân cách cứng về phía Hà N. M tiếp tục điều khiển xe đi vào trong khu vực ngã tư được khoảng 20m thì lúc này bà V đi bộ sang đường trong khu vực đường giao nhau, đi từ bên trái sang bên phải theo hướng đi của M (M khai khoảng cách từ đầu xe ô tô BKS: 19H-013.28 do M điều khiển cách bà V là khoảng 03m) nên M không kịp phanh xe mà chỉ kịp đánh lái xe ô tô sang trái để tránh nhưng không kịp, phần đầu xe phía trước bên phải xe ô tô BKS: 19H-013.28 do M điều khiển đã đâm vào bà V, làm bà V bị văng ngã ra đường. Sau đó M tiếp tục điều khiển xe ô tô di chuyển khoảng 20m nữa thì dừng lại ở làn đường thứ nhất giáp dải phân cách ở giữa đường. Khi M xuống xe thì thấy bà V bị thương chảy máu ở phần đầu, bất tỉnh. Lúc này có một số người đi đường nên M đã nhờ họ gọi xe cấp cứu thì có người nói bà V đã tử vong nên M đến Công an huyện Y để trình báo sự việc.

Ngày 29/11/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V có Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 3237/KLGĐTT-PC09-PY, kết luận: “1. Các kết quả chính: Vùng cằm bên trái có vết xây sát, sưng nề, chảy máu qua tai, mũi, miệng. Thành ngực bên phải khung chậu sờ nắn mất vững. Sây sát, bầm tím rải rác vùng mặt, lưng, tay, chân. Gãy nhiều xương sườn hai bên, khoang ngực có nhiều máu không đông, rách nhu mô phổi phải, rách vỡ cơ tim (âm nhĩ phải).

2. Kết luận: Nguyên nhân chết của Trần Thị V là chấn thương ngực kín”

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường, cũng như dấu vết để lại trên phương tiện đã được khám nghiệm phù hợp với diễn biến của vụ tại nạn giao thông.

Ngày 12/11/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y ra các Quyết định số 318, 319 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V giám định nồng độ cồn và chất ma túy trong mẫu máu thu của tử thi Trần Thị V. Ngày 16/11/2023 và 17/11/2023 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V ra Bản kết luận số 3109/KLGĐ-KTHS và 3115/KL-KTHS, kết luận: “Không phát hiện thấy có cồn (Ethanol) trong mẫu chất lỏng màu nâu đỏ được cơ quan trưng cầu xác định là mẫu máu thu của tử thi Trần Thị V” và “Không phát hiện thấy chất ma túy trong trong mẫu chất lỏng màu nâu đỏ được cơ quan trưng cầu xác định là mẫu máu thu của tử thi Trần Thị V”.

Ngày 20/11/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y ra Quyết định số 326/QĐ-ĐTTH trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V giám định kỹ thuật số điện tử 01 tài khoản giám sát hành trình trên xe ô tô BKS: 19H- 013.28 để xác định vận tốc và hành trình của xe trong khoảng thời gian xảy ra vụ tai nạn.

Ngày 02/02/2024 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V ra Bản kết luận số 346/KL-KTHS kết luận: “Trích xuất được dữ liệu là tốc độ, hành trình của xe ô tô BKS: 19H-013.28 từ tài khoản giám sát hành trình có tên đăng nhập: “xuanthanhto”, mật khẩu: “12345”, đăng nhập tại website: “http://gpsbinhminh.vn” gửi giám định trong thời gian từ 19 giờ 35 phút ngày 12/11/2023 đến 20 giờ 00 phút, ngày 12/11/2023. Tại thời điểm trước khi xảy ra tai nạn vận tốc xe trung bình trên 50 km/1h. Tại thời điểm xảy ra tai nạn hồi 19 h 14 phút 21 giây vận tốc là 57 km/1h. Thời điểm sau khi xảy ra tai nạn hồi 18 h 49 phút 41 giây vận tốc là 18/km/1h. Thời điểm hồi 19 h 49 phút 46 giây vận tốc là 0/km/1h (Xe dừng).

Sau khi vụ việc xảy ra ngày 12/11/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành kiểm tra nồng độ cồn và chất ma túy đối với Phùng Văn M xác định: Kết quả kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở của M là 0.00mg/1L khí thở. Trung tâm y tế huyện Y đã tiến hành xét nghiệm nước tiểu đối với Phùng Văn M ngày 12/11/2023, kết quả trong nước tiểu của Phùng Văn M không có chất ma túy.

Đối với những hư hỏng của xe ô tô anh Nguyễn Đức L đã từ chối định giá tài sản.

Đối với xe ô tô BKS 19H – 013.28. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là tài sản thuộc sở hữu của công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Xuân T. Ngày 06/4/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả chiếc xe trên cho công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Xuân T, ông Nguyễn Đức L giám đốc công ty đã nhận lại chiếc xe ô tô trên và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra, bị can Phùng Văn M và anh Nguyễn Đức L gia đình đã đến động viên, thăm hỏi và tự nguyện bồi thường cho gia đình nạn nhân Trần Thị V số tiền 180.000.000 đồng (trong đó bị can M bồi thường 80.000.000 đồng, anh L hỗ trợ số tiền 100.000.000 đồng). Đại diện gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu đề nghị gì khác, đồng thời có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về vật chứng của vụ án gồm: 01 Giấy phép lái xe ô tô hạng C số 250110004377 do Sở Giao thông vận tải tỉnh P cấp ngày 16/8/2021 mang tên Phùng Văn M; 0,00ml mẫu vật cùng toàn bộ bao gói do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V hoàn lại sau giám định.

Tại cáo trạng số 38/ CT-VKS ngày 04/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố Phùng Văn M về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y Lạc luận tội đối với bị cáo Phùng Văn M và giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Văn M từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm. Áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo lái xe trong thời hạn 02 năm 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Xác nhận việc trả lại chiếc xe ô tô BKS 19H – 013.28 là hợp pháp. Về dân sự, xác nhận bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của bị cáo, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, kết quả khám nghiệm hiện trường, dấu vết để lại trên phương tiện giao thông, kết luận giám định pháp y và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận.

Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 12/11/2023, Phùng Văn M có Giấy phép lái xe ô tô hạng C số 250110004377 do Sở Giao thông vận tải tỉnh P cấp ngày 16/8/2021, điều khiển xe ô tô BKS 19H – 013.28 đi trên đường QL2A đường tránh thành phố V hướng từ thành phố V về thành phố H với tốc độ khoảng 60km/h. Khi đi đến khu vực ngã tư giao nhau giữa đường QL2A tránh TP.Vĩnh Y với đường TL305b thuộc địa phận thôn P, xã Đ, huyện Y, Mạnh quan sát thấy ở phía bên trái đường chỗ lồi mở quay đầu xe có bà Trần Thị V, sinh năm 1965 trú tại xã Thanh T, thành Phố V, tỉnh V đang đang đứng ở vị trí lối quay đầu xe gần đầu dải phân cách cứng về phía Hà Nội, M không giảm tốc độ xe mà tiếp tục điều khiển xe đi vào ngã tư, do không chú ý quan sát không làm chủ tốc độ nên phần đầu bên phải xe ô tô BKS 19H – 013.28 đã đâm trực tiếp vào người của bà Trần Thị V khi bà V đang đi sang đường làm bà V bị ngã ra đường dẫn đến tử vong.

Hành vi của Phùng Văn M đã vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ quy định về tốc độ xe và khoản 1, 6 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải (gọi tắt là Thông tư 31) quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ quy định:

“1. Người lái xe... phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường...”.

Khoản 6 Điều 5 Thông tư số 31 ngày 28/9/2019 của Bộ GTVT quy định các trường hợp phải giảm tốc độ như sau:

“Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau:

1. Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm

...

6. Khi có người đi bộ... qua đường”;

Hành vi của Phùng Văn M điều khiển xe ô tô không tuân thủ các quy định về an toàn giao thông đường bộ gây hậu quả chết 01 người đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là tự nguyện bồi thường thiệt hại và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là được đại diện theo ủy quyền của người bị hại xin cho bị cáo hưởng án treo và người bị hại có lỗi một phần.

[4] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Xét thấy bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được quy định của pháp luật, mặc dù thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng do chủ quan nên không tuân thủ các quy định về an toàn giao thông trong quá trình tham gia giao thông dẫn đến việc phạm tội. Trong vụ án này, lỗi chủ yếu thuộc về bị cáo nên phải quyết định một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đại diện theo ủy quyền của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, có đơn xin cho bị cáo hưởng án treo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điều 51 của Bộ luật hình sự, ngoài ra, trong vụ án này, người bị hại là bà Trần Thị V cũng có một phần lỗi đó là khi đi bộ sang đường đã không chú ý quan sát các xe đang đi tới dẫn đến tai nạn giao thông theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật giao thông đường bộ. Do đó, Hội đồng xét xử cân cân nhắc xem xét xử phạt bị cáo một mức án tù nhưng cho hưởng án treo tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cũng đủ để răn đe giáo dục cải tạo bị cáo theo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung, bị cáo hành nghề lái xe nên áp dụng khoản 5 điều 260 cấm bị cáo lái xe một thời hạn nhất định.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo, bị đơn dân sự và đại diện hợp pháp của người bị hại đã tự nguyện thỏa thuận số tiền bồi thường là 180.000.000 đồng, bị cáo và bị đơn dân sự đã bồi thường xong, nay không có ai yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: Đối với xe 01 (một) chiếc xe ô tô BKS 19H – 013.28. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là tài sản thuộc sở hữu của công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Xuân T. Ngày 06/4/2024 Cơ quan cảnh sát điều

tra Công an huyện Y đã trả chiếc xe trên cho công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Xuân T, ông Nguyễn Đức L giám đốc công ty đã nhận lại chiếc xe ô tô trên và không có yêu cầu đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 Giấy phép lái xe ô tô hạng C số 250110004377 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Phú T cấp ngày 16/8/2021 mang tên Phùng Văn M là tài sản hợp pháp của bị cáo nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 0,00ml mẫu vật cùng toàn bộ bao gói do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V hoàn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[7] Về án phí: Bị cáo Phùng Văn M phải chịu án phí hình sự thêm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phùng Văn M phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (Sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phùng Văn M cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố V, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Cấm bị cáo Phùng Văn M hành nghề lái xe trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1,2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về vật chứng: Tịch thu 01 mẫu vật gồm 0,0ml cùng toàn bộ bao gói còn lại sau giám định để tiêu hủy (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/ 6/2024 giữa Công an huyện Y và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y).

Trả lại cho bị cáo Phùng Văn M 01 Giấy phép lái xe ô tô hạng C số 250110004377 do Sở Giao thông vận tải tỉnh P cấp ngày 16/8/2021 mang tên Phùng Văn M nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Buộc bị cáo Phùng Văn M phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, bị đơn dân sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND huyện Y;
- VKSND tỉnh V;
- Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo, Đại diện hợp pháp của bị hại, bị đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Thuận